

Bản án số: 687/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/5/2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thành Viên.
- Ông Phan Minh Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 2 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Quang V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Đường số AA, Phường BB, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông V có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Nguyễn Phương T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đường số AA, Phường BB, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 2 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông và bà T là vợ chồng chung sống hợp pháp với nhau từ năm 2015. Ông bà đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyển số 01/2015 do UBND Phường DD, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2015.

Những năm đầu chung sống, ông bà sống hạnh phúc như bao cặp vợ chồng khác. Hai năm gần đây, ông bà thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau trước mặt con cái, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc. Ông bà đã cố gắng dung hòa nhằm hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung. Ông bà chung sống cùng với cha mẹ ông từ khi cưới nhau, đến khi bà T sinh con vẫn chung sống với gia đình ông. Khoảng tháng 8/2022, bà T tự tìm đến các tổ chức tín dụng đen bên ngoài, những người cho vay nặng lãi để vay tiền tiêu sài cá nhân, bà T vay tiền thông qua mạng xã hội, vay online hoặc những người cho vay nặng lãi ngoài xã hội mỗi người từ mười triệu đến vài chục triệu đồng, ông không biết chính xác. Ông chỉ biết khi những tổ chức, cá nhân cho vay tìm đến nhà thông báo khoản nợ của bà T.

Vì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến tháng 10/2022, bà T đã dẫn 02 con ra bên ngoài thuê phòng trọ để sinh sống, ông đã cố gắng đến chung sống tại phòng trọ cùng bà T và 02 con để níu kéo tình cảm. Tuy nhiên ông bà vẫn không tìm được tiếng nói chung, tình cảm rạn nứt. Hiện nay do bà T biết được những người cho vay đang tìm kiếm, truy đuổi, bà T đã giao con về lại cho ông và ông bà nội cùng nhau chăm sóc trẻ, một mình bà T thuê phòng trọ tại Phường 11, quận Gò Vấp sinh sống. Cuối tuần ông chở hai con đến phòng trọ của bà T để các con gặp mẹ, ông cũng rất đau khổ và thương cảm cho hai con, chúng thật đáng thương vì lúc nào cũng chở chúng đến gặp mẹ ông cũng dòm ngó trước sau, cảm thấy bất an vô cùng vì ông sợ những người cho vay xã hội đen theo dõi, đi theo ông và các con để lần tìm ra nơi ở của bà T. Tổ chức tín dụng đen và những người cho vay nặng lãi hiện nay liên tục gây áp lực đến gia đình ông, bà T. Hằng ngày những người xăm trổ kiểu dạng đòi nợ thuê luôn đi lại loanh quanh nhà ông cả ngày. Gia đình ông hiện đang rất hoảng loạn. Mâu thuẫn của ông bà đã rất trầm trọng không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không thể đạt được và nhằm bảo vệ cho các con ông, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có hai con chung tên Bùi Võ Thảo A, sinh ngày 27/4/2016 và Bùi Võ Mộc N, sinh ngày 04/7/2018. Ông V yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông khai không có.

Về nợ chung: Ông khai không có.

Bà T đã được tổng đạt hợp lệ vẫn không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông V được ly hôn với bà T.
Về con chung: Giao cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của ông V đối với bà T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 11, quận Gò Vấp thì bà T có sinh sống, thực tế ở với chồng tại địa phương do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng:

Ông V có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông V.

Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 86, do Ủy ban nhân Phường DD, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2015 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông V yêu cầu được ly hôn với bà T vì cho rằng do hai năm gần đây, ông bà thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau trước mặt con cái, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc. Ông và bà T đã cố gắng dung hòa nhằm hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung.

Bà T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình, nhưng bà T vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của ông V. Điều này thể hiện bà T không quan tâm đến chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Nhưng giữa ông V và bà T đã không còn sống chung với nhau. Nay ông V kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa ông V và bà T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông V yêu cầu giải quyết ly hôn với bà T là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Ông V yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Bà T không đến Tòa án, cũng không có ý kiến gì về con chung. Hiện nay ông V đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ An và trẻ Nhiên. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận yêu cầu của ông V là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông V khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng ông V chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Quang V.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Quang V được ly hôn với bà Võ Nguyễn Phương T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 86, do Ủy ban nhân dân Phường DD, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/10/2015 không còn giá trị.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Võ Thảo A, sinh ngày 27/4/2016 và Bùi Võ Mộc N, sinh ngày 04/7/2018 cho ông V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết bà T, ông V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông V khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông V khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng ông V chịu, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/001278 ngày 20/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân Phường DD, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đình Tiến